

Số: /2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; công bố tiêu chuẩn; lựa chọn, công nhận và áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực và quốc tế phục vụ công tác quản lý, đầu tư phát triển và cung ứng dịch vụ đô thị trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đồng Nai tại Tờ trình số /TTr-SKHCN ngày tháng năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; công bố tiêu chuẩn; lựa chọn, công nhận và áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực và quốc tế phục vụ công tác quản lý, đầu tư phát triển và cung ứng dịch vụ đô thị trên địa bàn thành phố Đồng Nai

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Quy định về xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; công bố tiêu chuẩn; lựa chọn, công nhận và áp dụng tiêu

chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực và quốc tế phục vụ công tác quản lý, đầu tư phát triển và cung ứng dịch vụ đô thị trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ban ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND thành phố;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai
- Sở Tư pháp;
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trường Sơn

QUY ĐỊNH

Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; công bố tiêu chuẩn; lựa chọn, công nhận và áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực và quốc tế phục vụ công tác quản lý, đầu tư phát triển và cung ứng dịch vụ đô thị trên địa bàn thành phố Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc, trách nhiệm và việc tổ chức thực hiện thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai theo điểm đ khoản 3 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 đối với các nội dung sau đây:

- Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật trong các lĩnh vực cần có mức yêu cầu cao hơn hoặc chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- Công bố tiêu chuẩn trong các lĩnh vực cần có mức yêu cầu cao hơn hoặc chưa có tiêu chuẩn quốc gia;
- Lựa chọn, công nhận và áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực và quốc tế phục vụ công tác quản lý, đầu tư phát triển và cung ứng dịch vụ đô thị trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

2. Quy định này không thay thế trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương; xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn; thủ tục đầu tư, xây dựng, môi trường, an toàn và các thủ tục chuyên ngành khác đã được pháp luật quy định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 phải đúng phạm vi thẩm quyền được giao tại điểm đ khoản 3 Điều 30 Luật Phát triển đô thị; phù hợp pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Chỉ xem xét áp dụng cơ chế quy định tại Quy định này khi có căn cứ xác định lĩnh vực cần có mức yêu cầu cao hơn hoặc chưa có quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, hoặc có nhu cầu lựa chọn, công nhận, áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực, quốc tế để đáp ứng yêu cầu quản lý, đầu tư phát triển, cung ứng dịch vụ đô thị.

3. Bảo đảm cơ sở khoa học, tính cần thiết, tính khả thi, an toàn, hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, phát triển bền vững; có sự tham gia của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan khoa học và công nghệ, đối tượng chịu tác động và chuyên gia phù hợp khi cần thiết.

4. Bảo đảm liên thông, kết nối kỹ thuật, quản lý dữ liệu với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, địa phương khác và hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc

gia; không tạo rào cản không cần thiết đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại.

5. Không làm giảm mức yêu cầu bắt buộc của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương, văn bản quy phạm pháp luật và các yêu cầu bắt buộc khác đang có hiệu lực.

6. Việc sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài phải tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ, bản quyền tiêu chuẩn và các điều kiện sử dụng hợp pháp.

Chương II

XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Điều 4. Xác định nhu cầu xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển đô thị và thực tiễn của ngành, lĩnh vực đề ra soát, đề xuất xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2. Đề xuất phải làm rõ ít nhất các nội dung sau đây:

a) Đối tượng, phạm vi quản lý và vấn đề thực tiễn cần giải quyết;

b) Căn cứ xác định thuộc trường hợp cần có mức yêu cầu cao hơn hoặc chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; trường hợp đề xuất mức yêu cầu cao hơn phải phân tích sự cần thiết và khả năng đáp ứng;

c) Cơ sở khoa học, kỹ thuật, dữ liệu thực tiễn; quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và tài liệu kỹ thuật có liên quan dự kiến tham khảo;

d) Đánh giá sơ bộ tác động, tính khả thi, chi phí tuân thủ, khả năng kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận hoặc đánh giá sự phù hợp khi có yêu cầu;

đ) Khả năng liên thông, kết nối kỹ thuật và dữ liệu; tác động đối với sản xuất, kinh doanh và thương mại.

3. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành rà soát đề xuất về tính thống nhất với hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Trình tự xây dựng, thẩm định, ban hành và đăng ký quy chuẩn kỹ thuật

1. Việc lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch; xây dựng, lấy ý kiến, thẩm định, ban hành, đăng ký, rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy chuẩn kỹ thuật địa phương thực hiện theo Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, Thông tư số 15/2026/TT-BKHCN và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan được giao chủ trì xây dựng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm bảo đảm nội dung dự thảo thể hiện rõ cơ sở của mức yêu cầu cao hơn hoặc sự cần thiết phải quy định đối với nội dung chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; không quy định lại nội dung đã được quy định đầy đủ trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, trừ trường hợp pháp luật cho phép.

3. Trường hợp sử dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tài liệu kỹ thuật nước ngoài làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương, cơ quan chủ trì phải đối chiếu với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương hiện hành để xác định rõ nội dung kế thừa, nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới, mức yêu cầu cao

hơn và điều kiện áp dụng; đồng thời bảo đảm tài liệu được sử dụng hợp pháp, còn hiệu lực hoặc phù hợp về mặt kỹ thuật và có khả năng tiếp cận theo quy định.

4. Không đặt thêm thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời hạn hoặc điều kiện đối với việc xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật ngoài quy định của pháp luật cấp trên, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc pháp luật có quy định khác.

Chương III CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN

Điều 6. Căn cứ và nội dung rà soát, đề xuất công bố tiêu chuẩn

1. Việc công bố tiêu chuẩn theo điểm đ khoản 3 Điều 30 Luật Phát triển đô thị được xem xét trong lĩnh vực phục vụ công tác quản lý, đầu tư phát triển và cung ứng dịch vụ đô thị khi cần có mức yêu cầu cao hơn hoặc chưa có tiêu chuẩn quốc gia phù hợp.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo ngành, lĩnh vực có trách nhiệm rà soát, xác định sự cần thiết; làm rõ tiêu chuẩn dự kiến công bố, tình trạng hiệu lực, nguồn gốc, điều kiện sử dụng và bản quyền; đối chiếu với tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật chuyên ngành có liên quan; đánh giá khả năng áp dụng và tác động đối với sản xuất, kinh doanh, thương mại.

3. Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này là tài liệu phục vụ hoạt động tham mưu của cơ quan nhà nước, không phải thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính và không làm phát sinh nghĩa vụ xin phép đối với tổ chức, cá nhân ngoài các trường hợp pháp luật có quy định.

Điều 7. Xem xét và công bố tiêu chuẩn

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành chủ trì rà soát nội dung thuộc lĩnh vực quản lý; lấy ý kiến Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thẩm quyền công bố tiêu chuẩn theo điểm đ khoản 3 Điều 30 Luật Phát triển đô thị.

2. Việc tham mưu công bố phải bảo đảm tiêu chuẩn còn hiệu lực, có nguồn gốc rõ ràng, được sử dụng hợp pháp; phù hợp mục tiêu quản lý, đầu tư phát triển và cung ứng dịch vụ đô thị; không trái quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật chuyên ngành; bảo đảm yêu cầu liên thông, kết nối kỹ thuật, dữ liệu và không tạo rào cản không cần thiết đối với sản xuất, kinh doanh, thương mại.

3. Nội dung, hình thức và phạm vi thực hiện việc công bố tiêu chuẩn tuân thủ Luật Phát triển đô thị, pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Việc công bố theo Điều này không được hiểu là xây dựng hoặc công bố một loại tiêu chuẩn mới ngoài hệ thống tiêu chuẩn được pháp luật quy định; không làm thay đổi thẩm quyền công bố tiêu chuẩn quốc gia, quyền xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 8. Giá trị áp dụng của tiêu chuẩn được công bố

1. Việc áp dụng tiêu chuẩn được công bố theo điểm đ khoản 3 Điều 30 Luật Phát triển đô thị thực hiện phù hợp pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật chuyên ngành và nội dung công bố của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tiêu chuẩn do Ủy ban nhân dân Thành phố công bố được bắt buộc áp dụng đối với các dự án đầu tư, công trình, dịch vụ đô thị sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách nhà nước, vốn đầu tư công, vốn PPP thuộc thẩm quyền quyết định của

Thành phố; nội dung tiêu chuẩn phải được cụ thể hóa trong yêu cầu hồ sơ mời thầu và quyết định phê duyệt dự án.

3. Đối với các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, tiêu chuẩn công bố được áp dụng theo nguyên tắc tự nguyện. Trường hợp chủ đầu tư đăng ký áp dụng để hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển đô thị của Thành phố thì việc tuân thủ tiêu chuẩn là bắt buộc theo cam kết.

4. Việc công bố tiêu chuẩn không thay thế việc xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở; không thay thế việc thẩm định, phê duyệt, cấp phép, đánh giá sự phù hợp hoặc thủ tục chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

LỰA CHỌN, CÔNG NHẬN VÀ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN TIÊN TIẾN, HIỆN ĐẠI CỦA NƯỚC NGOÀI, KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

Điều 9. Nguyên tắc và tiêu chí lựa chọn

1. Việc lựa chọn, công nhận và áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực và quốc tế theo Quy định này được thực hiện trong phạm vi phục vụ công tác quản lý, đầu tư phát triển và cung ứng dịch vụ đô thị trên địa bàn thành phố; không làm hạn chế quyền áp dụng trực tiếp tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

2. Tiêu chuẩn được lựa chọn phải còn hiệu lực, có nguồn gốc và tổ chức công bố rõ ràng, được sử dụng hợp pháp; phù hợp mục tiêu, đối tượng và điều kiện áp dụng.

3. Việc xác định tiêu chuẩn là tiên tiến, hiện đại phải có tài liệu, thông tin chứng minh, căn cứ vào mức độ được thừa nhận hoặc áp dụng; trình độ khoa học, công nghệ; khả năng nâng cao an toàn, chất lượng, hiệu quả sử dụng tài nguyên, chuyển đổi số, phát triển xanh, bền vững và mức độ phù hợp với yêu cầu quản lý của thành phố.

4. Không lựa chọn nội dung trái với quy chuẩn kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật hoặc làm giảm mức an toàn, chất lượng bắt buộc; bảo đảm quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, sở hữu trí tuệ và bản quyền tiêu chuẩn.

5. Bảo đảm khả năng tương thích với điều kiện tự nhiên, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, nhân lực, phương pháp thử, đo lường, đánh giá sự phù hợp và năng lực tổ chức thực hiện tại Việt Nam và thành phố Đồng Nai. Trường hợp tiêu chuẩn có nội dung phụ thuộc dữ liệu đầu vào về điều kiện tự nhiên, phải xem xét dữ liệu địa chất, thủy văn, khí hậu, phân vùng động đất và điều kiện đặc thù có liên quan của địa phương.

6. Khi tiêu chuẩn gắn với công nghệ mới hoặc hệ thống kỹ thuật phức tạp, việc đánh giá phải xem xét khả năng tiếp nhận, chuyển giao công nghệ; tính đồng bộ trong triển khai, vận hành, quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì và khả năng thay thế, cập nhật khi tiêu chuẩn hoặc công nghệ thay đổi.

7. Đối với hoạt động đầu tư xây dựng và lĩnh vực chuyên ngành khác, việc lựa chọn, công nhận và áp dụng tiêu chuẩn phải đồng thời tuân thủ pháp luật chuyên ngành; việc công nhận theo Quy định này không thay thế thẩm quyền quyết định, chấp thuận hoặc phê duyệt theo pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Rà soát và chuẩn bị tài liệu đề xuất lựa chọn, công nhận và áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo ngành, lĩnh vực chủ trì rà soát nhu cầu lựa chọn, công nhận và áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại của nước ngoài, khu vực và quốc tế; chuẩn bị tài liệu tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố theo thẩm quyền. Trường hợp nội dung liên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp xác định cơ quan chủ trì, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố khi cần thiết.

2. Tài liệu tham mưu phải làm rõ: tiêu chuẩn, số hiệu, phiên bản, tổ chức công bố và tình trạng hiệu lực; mục tiêu, đối tượng, phạm vi dự kiến áp dụng; căn cứ xác định tính tiên tiến, hiện đại; sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia và pháp luật có liên quan; khả năng áp dụng, rủi ro và tác động đến sản xuất, kinh doanh, thương mại; điều kiện sử dụng và bản quyền.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể cung cấp thông tin, tài liệu hoặc kiến nghị cơ quan quản lý chuyên ngành xem xét theo khoản 1 Điều này. Việc cung cấp thông tin, tài liệu hoặc kiến nghị không phải là thủ tục xin phép áp dụng tiêu chuẩn, không phải là thành phần hồ sơ bắt buộc để tổ chức, cá nhân được thực hiện quyền áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Xem xét, đánh giá và công nhận tiêu chuẩn

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì đánh giá. Đối với tiêu chuẩn phức tạp, liên ngành hoặc công nghệ mới, Sở quản lý chuyên ngành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật liên ngành (bao gồm đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ngành liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học độc lập) để thẩm định nội dung trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Thời hạn rà soát, lấy ý kiến phối hợp giữa các sở, ban, ngành không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tài liệu. Tổng thời gian tham mưu hoàn thiện Báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố không quá 30 ngày làm việc.

2. Việc đánh giá tập trung vào căn cứ pháp lý; tình trạng hiệu lực và điều kiện sử dụng; căn cứ xác định tính tiên tiến, hiện đại; mức độ tương thích với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia và hệ thống kỹ thuật hiện có; tính khả thi, an toàn, hiệu quả; yêu cầu liên thông, kết nối kỹ thuật, dữ liệu và tác động đối với sản xuất, kinh doanh, thương mại.

3. Trên cơ sở kết quả đánh giá, cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thẩm quyền lựa chọn, công nhận và áp dụng theo điểm đ khoản 3 Điều 30 Luật Phát triển đô thị.

4. Nội dung, hình thức và phạm vi của việc lựa chọn, công nhận và áp dụng thực hiện theo Luật Phát triển đô thị, pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Việc công nhận theo Điều này không được hiểu là chuyển tiêu chuẩn nước ngoài, khu vực hoặc quốc tế thành tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở hoặc quy chuẩn kỹ thuật; không làm thay đổi thẩm quyền công bố, ban hành các loại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 12. Áp dụng, theo dõi và rà soát tiêu chuẩn được công nhận

1. Cơ quan, tổ chức áp dụng tiêu chuẩn được lựa chọn, công nhận theo Quy định này có trách nhiệm tuân thủ phạm vi, điều kiện áp dụng; bảo đảm an toàn, chất lượng, hiệu quả và các yêu cầu pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành theo dõi việc áp dụng; kịp thời rà soát khi tiêu chuẩn được sửa đổi, thay thế, hủy bỏ; quy chuẩn kỹ thuật hoặc pháp luật Việt Nam thay đổi; phát sinh rủi ro, sự cố, bất cập đáng kể hoặc điều kiện kỹ thuật, công nghệ, yêu cầu quản lý thay đổi.

3. Trên cơ sở kết quả rà soát, cơ quan quản lý chuyên ngành tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét việc tiếp tục áp dụng, điều chỉnh phạm vi, thay thế hoặc chấm dứt việc công nhận theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Quy định này; hướng dẫn, phối hợp các cơ quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
2. Chủ trì hoặc phối hợp rà soát tính thống nhất của đề xuất với hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tham gia đánh giá tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài theo Quy định này.
3. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện; tham mưu kết nối, cập nhật thông tin phù hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hệ thống dữ liệu có liên quan theo quy định.
4. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) đối với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn thuộc phạm vi Quy định này theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
5. Định kỳ hoặc khi cần thiết, tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường

1. Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm rà soát nhu cầu; chủ trì chuẩn bị tài liệu, hồ sơ theo quy định của pháp luật đối với nội dung thuộc ngành, lĩnh vực; chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn, tính cần thiết, tính khả thi và tác động của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn thuộc phạm vi quản lý; tổ chức thực hiện, theo dõi và đánh giá hiệu quả sau khi được ban hành, công bố, lựa chọn hoặc công nhận.
2. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ bảo đảm tính thống nhất, liên thông, kết nối kỹ thuật và dữ liệu; cung cấp thông tin phục vụ rà soát, đánh giá, cập nhật.
3. Ủy ban nhân dân xã, phường phối hợp triển khai, có trách nhiệm theo dõi, ghi nhận và phản ánh các khó khăn, bất cập thực tế phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác hạ tầng kỹ thuật, công trình đô thị trên địa bàn gửi về Sở quản lý chuyên ngành và Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, rà soát.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và xử lý vướng mắc

1. Tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp thông tin, tài liệu hoặc áp dụng tiêu chuẩn theo Quy định này chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của thông tin, tài liệu do mình cung cấp; tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ, bản quyền, an toàn, chất lượng và pháp luật chuyên ngành.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Phụ lục
BIỂU MẪU

*(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số .../2026/QĐ-UBND
ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)*

Các biểu mẫu tại Phụ lục này được sử dụng phục vụ hoạt động tham mưu, phối hợp và tổ chức thực hiện của cơ quan nhà nước; không phải là thành phần hồ sơ thủ tục hành chính và không làm phát sinh nghĩa vụ nộp hồ sơ, xin phép hoặc xin chấp thuận đối với tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

THUYẾT MINH DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT

I. Thông tin chung

1. Tên quy chuẩn kỹ thuật:

(Ghi rõ tên tiếng Việt và tiếng Anh).

2. Cơ quan chủ trì xây dựng: (Tên đơn vị đầu mối chủ trì)

3. Đơn vị, tổ chức phối hợp thực hiện: (Liệt kê các đơn vị tham gia, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, chuyên gia kỹ thuật...)

4. Thời gian thực hiện: (Từ tháng/năm – đến tháng/năm)

5. Căn cứ pháp lý: (các văn bản giao nhiệm vụ, ví dụ: Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định phê duyệt kế hoạch...)

II. Sự cần thiết và mục tiêu xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật

1. Tình hình trong nước:

- Thực trạng quản lý nhà nước đối với đối tượng của quy chuẩn kỹ thuật (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình...).
- Hiện trạng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật hiện có; các bất cập, chồng chéo, thiếu hụt.
- Các vấn đề về an toàn, môi trường, sức khỏe cộng đồng, thương mại... cần được quản lý bằng công cụ quy chuẩn kỹ thuật.
- Tình hình sản xuất, công nghệ, năng lực đánh giá sự phù hợp trong nước.
- Nhu cầu của cơ quan quản lý, doanh nghiệp và xã hội.
- Các vấn đề khác.

2. Tình hình quốc tế:

- Kinh nghiệm, xu hướng quốc tế trong quản lý và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật cùng loại;
- Các cam kết quốc tế của Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực này (WTO/TBT, EVFTA, CPTPP...).

3. Mục tiêu của quy chuẩn kỹ thuật:

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng thuyết minh về mục tiêu của quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Quy chuẩn kỹ thuật. Mục tiêu của quy chuẩn kỹ thuật có thể bao gồm một hoặc nhiều nội dung, ví dụ:

- Bảo đảm an toàn: Phòng ngừa, hạn chế các nguy cơ gây mất an toàn đối với con người, động vật, thực vật, tài sản và công trình;
- Bảo vệ sức khỏe, môi trường và lợi ích cộng đồng: Kiểm soát các yếu tố có khả năng tác động đến sức khỏe con người, chất lượng môi trường; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng và cộng đồng;
- Bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước: Tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá sự phù hợp và xử lý vi phạm trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông sản phẩm, hàng hóa;
- Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội: Góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm tính tương thích về kỹ thuật, thúc đẩy năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế và thuận lợi hóa thương mại;

- Các nội dung khác phù hợp với mục tiêu và phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan ban hành quy định.

III. Báo cáo quá trình xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật

1. Quyết định giao nhiệm vụ và tổ chức thực hiện

2. Thành lập Tổ soạn thảo

3. Các hoạt động triển khai chính:

- Chuẩn bị biên soạn;
- Nghiên cứu cơ sở khoa học và pháp lý;
- Biên soạn dự thảo;
- Tổ chức tham vấn;
- Lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân có liên quan và thành viên WTO.
- Các hoạt động khác.

4. Tổ chức Hội đồng thẩm định (ngày họp hội đồng thẩm định, thành phần hội đồng; Báo cáo kết quả Hội đồng thẩm định...).

5. Lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ (ngày gửi hồ sơ, nội dung lấy ý kiến; phản hồi của Bộ Khoa học và Công nghệ; tiếp thu, chỉnh lý theo ý kiến của Bộ KH&CN).

IV. Cơ sở xây dựng và phương pháp biên soạn

1. Nghiên cứu, khảo sát và thu thập thông tin:

- Nghiên cứu, điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng sản xuất, kinh doanh, tình hình quản lý nhà nước trong lĩnh vực liên quan.
- Thu thập, tổng hợp dữ liệu, tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế; kết quả thử nghiệm, khảo nghiệm... và các báo cáo khoa học có liên quan.
- Đánh giá tình hình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành; phân tích sự phù hợp, bất cập và khoảng trống cần điều chỉnh.
- Tham vấn ý kiến cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân có liên quan; chuyên gia, hiệp hội, doanh nghiệp.
- Phân tích, đánh giá tác động và tính khả thi của các yêu cầu kỹ thuật dự kiến quy định trong quy chuẩn kỹ thuật.
- Các nội dung khác có liên quan.

2. Báo cáo năng lực thử nghiệm và đánh giá sự phù hợp:

- Hiện trạng năng lực của các phòng thử nghiệm trong nước
- Khả năng đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật.
- Đánh giá nhu cầu thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp.
- Phân tích tính khả thi trong áp dụng, chi phí tuân thủ đối với doanh nghiệp.

3. Tài liệu làm căn cứ xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật:

- Danh mục tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc nước ngoài...
- Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật
- Kết quả đánh giá, khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm tra, giám định...

V. Nội dung chủ yếu của Quy chuẩn kỹ thuật:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

2. Yêu cầu kỹ thuật:

- Liệt kê rõ từng chỉ tiêu bắt buộc (ví dụ: độ bền cơ học, độ cách điện, hàm lượng chất

độc hại, giới hạn phát thải...).

- Đơn vị đo, điều kiện thử, giới hạn cho phép, phương pháp thử tương ứng.
- Các tiêu chuẩn cụ thể (TCVN, ISO, IEC, ASTM...) hoặc căn cứ khoa học, thực tiễn làm căn cứ xây dựng từng chỉ tiêu.

3. Yêu cầu về quản lý:

Yêu cầu về quản lý đối với đối tượng của QCVN bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Phương thức đánh giá sự phù hợp.
- Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy...
- Quy định về ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, kiểm tra trên thị trường.
- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phân phối, cơ quan quản lý...
- Các nội dung quản lý khác theo yêu cầu của cơ quan ban hành, phù hợp với mục tiêu và phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân:

5. Tổ chức thực hiện:

- Lộ trình áp dụng (nếu có);
- Thời hạn chuyển tiếp;
- Trách nhiệm của cơ quan quản lý, doanh nghiệp, tổ chức đánh giá sự phù hợp...

VI. Đánh giá về tính khả thi

1. Tác động quản lý nhà nước.

2. Tác động kinh tế - xã hội.

3. Tác động thương mại quốc tế.

4. Tính khả thi:

- Đánh giá năng lực kỹ thuật, quản lý, thử nghiệm của Việt Nam;
- Nhu cầu đầu tư nâng cấp thiết bị, đào tạo nhân lực, cơ chế giám sát;
- Khả năng áp dụng.

5. Các tác động khác.

VII. Kết luận và kiến nghị

1. Kết quả đạt được:

Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật đã hoàn thiện theo quy định pháp luật; bảo đảm tính khả thi, thống nhất, đồng bộ.

2. Kiến nghị:

- Trình bộ, cơ quan ngang bộ xem xét thẩm định;
- Kiến nghị hiệu lực thi hành;
- Kiến nghị tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng, kiểm tra, giám sát thực hiện.

VIII. Phụ lục kèm theo

Thủ trưởng Cơ quan chủ trì xây dựng
(Ký tên, đóng dấu)

BIÊN BẢN**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT**

- 1. Tên quy chuẩn kỹ thuật** (theo kế hoạch đã được phê duyệt):
- 2. Cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo quy chuẩn kỹ thuật:**
- 3. Cơ quan đề nghị thẩm định:**
- 4. Quyết định thành lập hội đồng thẩm định** (số và ngày ban hành Quyết định):
- 5. Địa điểm và thời gian họp hội đồng thẩm định:**
- 6. Thành phần hội đồng thẩm định:**
 - Chủ tịch hội đồng (ghi rõ họ tên, chức danh khoa học, học vị, chức vụ).
 - Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên hội đồng thẩm định (ghi rõ họ tên thành viên hội đồng vắng mặt).
 - Danh sách cụ thể thành viên dự họp (kèm theo biên bản HĐTD, có chữ ký xác nhận tham dự họp).
- 7. Nội dung và kết quả thẩm định:**
 - 7.1. Hồ sơ quy chuẩn kỹ thuật (tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
 -
 -
 - 7.2. Nội dung dự thảo
 - 7.2.1. Đánh giá tổng quan
 - a) Sự phù hợp của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế có liên quan (mức độ phù hợp với Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, các luật chuyên ngành, các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách pháp luật có liên quan; việc tuân thủ các quy định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), các cam kết quốc tế có liên quan...).
 - b) Tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống QCVN (mức độ phù hợp, không chồng chéo, không mâu thuẫn với các QCVN hiện hành; sự thống nhất về phạm vi điều chỉnh, mục tiêu và yêu cầu quản lý nhà nước; tính tương thích, nhất quán trong việc quy định các yêu cầu kỹ thuật, nguyên tắc và cách tiếp cận trong lựa chọn phương pháp thử nghiệm, phương thức đánh giá sự phù hợp và các quy định quản lý có liên quan...).
 - c) Đánh giá việc tuân thủ yêu cầu nghiệp vụ, trình tự, thủ tục xây dựng quy chuẩn kỹ thuật (sự phù hợp về thẩm quyền, nội dung và trình tự, thủ tục trong xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật; việc tuân thủ yêu cầu về trình bày và thể hiện nội dung quy chuẩn kỹ thuật...).
 - 7.2.2. Góp ý chung dự thảo quy chuẩn kỹ thuật
 -
 -
 - 7.2.3. Góp ý chi tiết dự thảo quy chuẩn kỹ thuật
 -
 -

8. Kết luận, kiến nghị:

8.1. Hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật

-
-

8.2. Nội dung, kết cấu dự thảo quy chuẩn kỹ thuật

-
-

8.3. Kiến nghị:

- Nhất trí ban hành
- Nhất trí ban hành, nhưng phải sửa đổi, bổ sung
- Không nhất trí ban hành
- Ý kiến khác:

Thư ký

(Ghi rõ họ tên, chức danh khoa học)

Chủ tịch hội đồng

(Ghi rõ họ tên, chức danh khoa học)

THUYẾT MINH DỰ THẢO TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

1. Thông tin chung về dự thảo TCCS

- a) Tên dự thảo:
- b) Thuộc lĩnh vực:
- c) Phạm vi áp dụng:
- d) Mục tiêu của tiêu chuẩn:
- đ) Cơ quan chủ trì soạn thảo:
- e) Tổ chức tham gia soạn thảo (nếu có):
- g) Phiên bản dự thảo:
- h) Căn cứ xây dựng TCCS:

2. Nội dung dự thảo

- a) Đối với TCCS xây dựng mới:

DỰ THẢO TCCS	THUYẾT MINH
Quy định 1 ...	Thuyết minh nội dung chính của dự thảo, cơ sở khoa học và thực tiễn và các nội dung khác liên quan (nếu có)
Quy định 2 ...	

- b) Đối với TCCS sửa đổi, bổ sung, thay thế:

TCCS ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	DỰ THẢO TIÊU CHUẨN	THUYẾT MINH
Quy định 1 ...		Thuyết minh nội dung của từng quy định; sự cần thiết; cơ sở pháp lý; cơ sở khoa học; cơ sở thực tiễn; tài liệu tham khảo; nội dung tiếp thu hoặc khác biệt so với tiêu chuẩn được tham khảo (nếu có).
Quy định 2 ...		

3. Quá trình xây dựng dự thảo

(Trình bày tóm tắt quá trình xây dựng dự thảo TCCS, bao gồm:

- Đánh giá thực trạng, xác định sự cần thiết và mục tiêu xây dựng TCCS;
- Khảo sát, thu thập và nghiên cứu tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn của các cơ quan, tổ chức khác (nếu có), tài liệu kỹ thuật và kết quả nghiên cứu khoa học có liên quan;
- Thực hiện lấy mẫu, phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành hoặc áp dụng thử (nếu có) làm cơ sở xác định các yêu cầu kỹ thuật và khả năng áp dụng của dự thảo TCCS;
- Biên soạn dự thảo TCCS và thuyết minh dự thảo;
- Tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có); tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý;
- Thẩm tra dự thảo TCCS;
- Tiếp thu, giải trình kết quả thẩm tra và hoàn thiện dự thảo TCCS;
- Lấy ý kiến bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan và Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia (nếu có);
- Tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo TCCS trước khi trình công bố).

BIÊN BẢN THẨM TRA DỰ THẢO TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**1. Tên tiêu chuẩn**

- Tên dự thảo TCCS:
- Tiêu chuẩn cơ sở khác (nếu có), tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tài liệu kỹ thuật hoặc kết quả nghiên cứu khoa học được tham khảo để xây dựng (nếu có):

2. Cơ quan chủ trì biên soạn dự thảo:**3. Quyết định thành lập Ban soạn thảo (số và ngày ban hành Quyết định):****4. Địa điểm và thời gian họp Ban soạn thảo:****5. Thành phần Ban soạn thảo**

- Trưởng ban (ghi rõ họ tên, chức danh khoa học, học vị, chức vụ):
- Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên Ban soạn thảo (ghi rõ họ tên thành viên vắng mặt):

- Danh sách cụ thể thành viên dự họp (kèm theo biên bản thẩm tra, có chữ ký xác nhận tham dự họp):

6. Nội dung và kết quả thẩm tra**6.1. Hồ sơ tiêu chuẩn**

(- Đánh giá việc tuân thủ thành phần hồ sơ theo Quy định.

- Đánh giá việc tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng TCCS theo Quy định này.)

6.2. Nội dung dự thảo**6.2.1. Đánh giá tổng quan**

(- Sự cần thiết ban hành TCCS; sự phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tiễn của Thành phố.

- Việc tuân thủ các nguyên tắc xây dựng TCCS theo Quy định này.

- Sự phù hợp của dự thảo TCCS với tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ.

- Sự phù hợp của dự thảo TCCS với quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (nếu có) và các cam kết quốc tế có liên quan.

- Tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo TCCS với hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Việc tham khảo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài, tài liệu kỹ thuật và kết quả nghiên cứu khoa học có liên quan (nếu có).

- Việc tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Tính khả thi của dự thảo TCCS khi áp dụng trên địa bàn Thành phố.)

6.2.2. Ý kiến chung đối với dự thảo TCCS**6.2.3. Ý kiến chi tiết đối với dự thảo TCCS****7. Kết luận, kiến nghị****7.1. Hồ sơ dự thảo TCCS**

.....

7.2. Nội dung, kết cấu và kỹ thuật trình bày TCCS

.....

.....

7.3. Tên, ký hiệu và số hiệu dự thảo TCCS

.....

.....

7.4. Kiến nghị

☐ Trình công bố TCCS.

☐ Chính sửa, hoàn thiện dự thảo TCCS trước khi trình công bố.

☐ Ý kiến khác (nếu có):

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ và tên)